

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN ĐỀ  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 12 - 2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Mỹ Xuyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hành

2. Ông Trần Minh Nhẫn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ông Thị Cánh Nha –Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 220/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lý Thị Huyền Tr, sinh năm: 1998; Cư trú tại: số 282, ấp Hòa Thượng, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Tô Thanh H, sinh năm: 1987; Cư trú tại: số 84, ấp Tổng Cánh, xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 8 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lý Thị Huyền Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lý Thị Huyền Tr và anh Tô Thanh H tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 2020, có đăng ký kết hôn vào ngày 01-7-2020 và được Ủy ban nhân dân xã Liêu Tú, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 76, ngày 01-7-2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Tr, anh H chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống chị Tr nhận thấy vợ chồng sống không hợp nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, trong suy nghĩ, càng sống lại càng thấy không còn hợp nhau, nên chị Tr và anh H đã ly thân với nhau

từ ngày 23-8-2020 cho đến nay. Nay chị Tr xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, nên chị Tr yêu cầu ly hôn với anh H; Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Tr và anh H không có con chung, nên chị Tr không có yêu cầu gì; Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Tr và anh H không có tài sản chung và không có nợ chung, nên chị Tr không có yêu cầu gì.

Bị đơn là anh Tô Thanh H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, anh H không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cũng như không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Anh Tô Thanh H là bị đơn trong vụ án, anh H đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Đối với nguyên đơn chị Lý Thị Huyền Tr đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Tr.

#### **[2] Về nội dung vụ án:**

[2.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Lý Thị Huyền Tr và anh Tô Thanh H là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 08/2020, hai bên đã sống ly thân. Từ khi ly thân cho đến nay anh chị không có gặp nhau để bàn bạc về việc hôn nhân của anh chị nhằm tạo điều kiện chung sống lại với nhau. Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 8 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh H là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Tr. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Tr được ly hôn với anh H.

[2.2] Về con chung: Không có, chị Tr không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tr phải chịu nghĩa vụ án phí đối với vụ án hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng; Anh H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Huyền Tr.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lý Thị Huyền Tr được ly hôn với anh Tô Thanh H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị Huyền Tr phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị Tr được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005676 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Tr đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh Tô Thanh H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị Huyền Tr và anh Tô Thanh H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**Hồ Mỹ Xuyên**